



zhàn shì

战事

noun · warfare; hostilities

Example Sentences

Zhàn shì chí xù le sān nián cái jié shù

战事持续了三年才结束。

The warfare lasted three years before ending.

Biān jìng de zhàn shì ràng dāng dì jū mín fēi cháng bù ān

边境的战事让当地居民非常不安。

The hostilities at the border made local residents very uneasy.

Trace each character, then write the word on your own.

战	战	战	战	战	战	战	战	战	战	战
战										

事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事

